

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MINH LONG PHÁT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Long Phát (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Long Phát là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100857181 ngày 12 tháng 09 năm 2008 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 12 tháng 04 năm 2016

Vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng

Vốn thực tế 15.000.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Lô 02-HC9 khu công nghiệp Xuyên Á, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Mã số thuế: 1100857181

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:

- Ông Nguyễn Công Chiến

- Ông Trần Việt Hà

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

- Ông Trần Việt Hà

- Ông Trần Thanh Nguyên Lộc

Chức vụ

Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm

15/03/2016

Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc trừ sâu và các loại hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Trần Việt Hà
Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Long Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Long Phát, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Long Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2019

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2018	TẠI NGÀY 01/01/2018
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.003.090.546	2.249.969.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.861.108	160.031.059
1. Tiền	111	V.01	9.861.108	160.031.059
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.762.906.497	1.973.582.541
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	4.254.462.707	1.358.436.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	75.616.686	182.316.686
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	440.054.134	440.056.396
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(7.227.030)	(7.227.030)
IV. Hàng tồn kho	140		58.408.000	2.506.080
1. Hàng tồn kho	141	V.05	58.408.000	2.506.080
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.914.941	113.849.865
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	140.618.184	41.850.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.07	-	40.533.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	31.296.757	31.466.833
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.661.811.514	13.074.693.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		9.175.866.008	9.511.022.495
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.175.866.008	9.511.022.495
Nguyên giá	222		12.669.289.119	12.513.109.119
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.493.423.111)	(3.002.086.624)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		386.000.000	386.000.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	386.000.000	386.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.094.945.506	3.177.670.902
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	3.094.945.506	3.177.670.902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		17.664.902.060	15.324.662.942

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH LONG PHÁT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2018	TẠI NGÀY 01/01/2018
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		2.508.678.999	171.626.000
I. Nợ ngắn hạn	310		2.508.678.999	171.626.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.456.726.599	171.626.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	3.611.670	-
3. Phải trả người lao động	314	V.12	48.340.730	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.156.223.061	15.153.036.942
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	15.156.223.061	15.153.036.942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.059.567.894	1.059.567.894
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		285.829.697	285.829.697
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.189.174.530)	(1.192.360.649)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.192.360.649)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.186.119	(1.192.360.649)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		17.664.902.060	15.324.662.942

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019

Trần Thanh Nguyên Lộc
Kế toán trưởng

Trần Việt Hà
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	6.648.394.140	2.425.839.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.648.394.140	2.425.839.200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	5.462.596.502	1.634.617.907
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.185.797.638	791.221.293
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	264.200	571.700
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.04	-	371.138.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	1.182.653.281	839.953.437
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.408.557	(419.299.361)
11. Thu nhập khác	31		-	14.664.000
12. Chi phí khác	32		222.438	-
13. Lợi nhuận khác	40		(222.438)	14.664.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.186.119	(404.635.361)
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	-	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.186.119	(404.635.361)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019

Trần Thanh Nguyên Lộc
Kế toán trưởng

Trần Việt Hà
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2018	2017
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.089.862.933	2.053.880.026
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.756.049.683)	(920.687.717)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.102.621.864)	(1.413.679.169)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43.492.975	196.064.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(425.118.512)	(282.126.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(150.434.151)	(366.548.307)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(878.765.750)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		264.200	571.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		264.200	(878.194.050)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			900.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	900.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2018	2017
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(150.169.951)	(344.742.357)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		160.031.059	504.773.416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		9.861.108	160.031.059

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.


Trần Thanh Nguyên Lộc
 Kế toán trưởng



Ngày 08 tháng 03 năm 2019


Trần Việt Hà
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Long Phát là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100857181 ngày 12 tháng 09 năm 2008 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 12 tháng 04 năm 2016

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH 2 thành viên góp vốn thành lập

- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VND

- Vốn thực tế: 15.000.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Lô 02-HC9 khu công nghiệp Xuyên Á, Xã Mỹ Hạnh Bắc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thuốc trừ sâu và các loại hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất - Gia công

Sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc trừ sâu và các loại hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt tại quỹ	43.589	57.325.938
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	43.589	57.325.938
Tiền gửi ngân hàng VND	7.799.250	100.686.852
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh Hóc Môn .</i>	6.705.686	99.593.288
<i>Ngân hàng hoạt động đầu tư</i>	1.093.564	1.093.564
Tiền gửi ngân hàng Ngoại tệ	2.018.269	2.018.269
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - Chi nhánh Hóc Môn .</i>	2.018.269	2.018.269
Tổng cộng	9.861.108	160.031.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Phải thu khách hàng		31/12/2018	01/01/2018		
a Phải thu của khách hàng ngắn hạn		2.525.125.880	521.538.762		
- Công ty Cổ phần Nông Dược Hai		1.441.300	388.357.140		
- Công ty TNHH TM DV XNK Global Ecotech		30.291.885	33.131.160		
- Công ty TNHH hóa chất Tín Minh Khoa		32.115.150	50.892.375		
- NONG DUOC HOC MON CO., LTD.		2.274.104.133	-		
- Khách hàng khác		187.173.412	49.158.087		
b Phải thu của khách hàng ngắn hạn là bên liên quan		1.729.336.827	836.897.727		
- Công ty Cổ phần Hóc Môn		1.729.336.827	836.897.727		
Tổng cộng		4.254.462.707	1.358.436.489		
3. Trả trước cho người bán		31/12/2018	01/01/2018		
- Công ty TNHH TM DV Khoa Đạt		45.000.000	45.000.000		
- Công ty TNHH TM SX KT Cơ Khí Anpha		-	106.700.000		
Khách hàng khác		30.616.686	30.616.686		
Tổng cộng		75.616.686	182.316.686		
4. Các khoản phải thu khác		31/12/2018		01/01/2018	
a Ngắn hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
- Công ty TNHH Monsanto Thái Lan	238.224.603		238.224.603		
- Công ty Cổ phần Hóc Môn	106.572.000		106.572.000		
- Phải thu ngắn hạn khác	95.257.531		95.259.793		
Tổng cộng	440.054.134	-	440.056.396	-	
b Dài hạn	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ký cược, ký quỹ	5.000.000				-
Tổng cộng	5.000.000	-	-		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	58.408.000		2.506.080	
Tổng cộng	58.408.000	-	2.506.080	-
6. Chi phí trả trước	01/01/2018	Tăng	Kết chuyển chi phí	31/12/2018
a Chi phí trả trước ngắn hạn				
- Chi phí trả trước khác	41.850.000	227.241.902	128.473.718	140.618.184
Tổng cộng	41.850.000	227.241.902	128.473.718	140.618.184
b Chi phí trả trước dài hạn				
- Quyền sử dụng đất	3.177.670.902	-	82.725.396	3.094.945.506
Tổng cộng	3.177.670.902	-	82.725.396	3.094.945.506
7. Thuế GTGT được khấu trừ	31/12/2018		01/01/2018	
- Thuế GTGT được khấu trừ				40.533.032
Tổng cộng				40.533.032

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH LONG PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2018	10.087.412.575	2.000.370.908	425.325.636	12.513.109.119
- Mua trong năm		156.180.000		156.180.000
Số dư ngày 31/12/2018	10.087.412.575	2.156.550.908	425.325.636	12.669.289.119
Khấu hao lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2018	2.637.873.094	115.208.539	249.004.991	3.002.086.624
- Khấu hao trong năm	340.389.720	119.270.082	31.676.685	491.336.487
Số dư ngày 31/12/2018	2.978.262.814	234.478.621	280.681.676	3.493.423.111
Giá trị còn lại				
Số dư ngày 01/01/2018	7.449.539.481	1.885.162.369	176.320.645	9.511.022.495
Số dư ngày 31/12/2018	7.109.149.761	1.922.072.287	144.643.960	9.175.866.008
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	54.545.455			
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	36.363.636			
Tổng cộng		90.909.091		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
- Chi phí khảo nghiệm thuốc	196.000.000	196.000.000	196.000.000	196.000.000
- Máy dán nhãn	190.000.000	190.000.000	190.000.000	190.000.000
Tổng cộng	386.000.000	386.000.000	386.000.000	386.000.000

10. Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc BVTV phía Nam	53.500.000	53.500.000	53.500.000	53.500.000
- Trung tâm Kiểm định và Khảo nghiệm thuốc BVTV phía Bắc	26.500.000	26.500.000	26.500.000	26.500.000
- Công ty TNHH Long Hưng	2.066.763.909	2.066.763.909	-	-
- Công ty CP Thiết bị và Hóa chất Đông Nam	112.440.750	112.440.750	-	-
- Công ty TNHH DV BV Đại Trung Thành	13.200.000	13.200.000	-	-
- Phải trả đối tượng khác	102.613.110	102.613.110	91.626.000	91.626.000
<i>Phải trả khách hàng là bên liên quan</i>				
- Công ty CP Hóc Môn	81.708.830	81.708.830	-	-
Tổng cộng	2.456.726.599	2.456.726.599	171.626.000	171.626.000

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
Thuế GTGT	(170.076)	337.495.011	333.713.265	3.611.670
Thuế TNDN	(30.768.923)	-	-	(30.768.923)
Thuế TNCN	(527.834)	935.002	935.002	(527.834)
Thuế nhà đất		2.590.204	2.590.204	-
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	(31.466.833)	344.020.217	340.238.471	(27.685.087)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (tiếp theo)*Trong đó:*

<i>a. Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:</i>	31/12/2018	01/01/2018
Thuế GTGT	-	170.076
Thuế TNCN	527.834	527.834
Thuế TNDN	30.768.923	30.768.923
Tổng cộng	31.296.757	31.466.833
<i>b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:</i>	31/12/2018	01/01/2018
Thuế GTGT	3.611.670	-
Tổng cộng	3.611.670	-

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

12. Phải trả người lao động	31/12/2018	01/01/2018
- Lương công nhân viên	16.092.845	-
- Lương công nhân sản xuất	28.547.885	-
- Lương lao động khác	3.700.000	-
Tổng cộng	48.340.730	0

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH LONG PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2017	15.000.000.000		1.345.397.591	(787.725.288)	15.557.672.303
Lãi /lỗ trong năm trước				(404.635.361)	(404.635.361)
Trích quỹ từ LN sau thuế		285.829.697	(285.829.697)		-
Số dư ngày 01/01/2018	15.000.000.000	285.829.697	1.059.567.894	(1.192.360.649)	15.153.036.942
Lãi trong năm				3.186.119	3.186.119
Số dư ngày 31/12/2018	15.000.000.000	285.829.697	1.059.567.894	(1.189.174.530)	15.156.223.061

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH LONG PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2018	%
- Công ty Cổ phần Hóc Môn	15.000.000.000	100%
Tổng cộng	15.000.000.000	100%
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	2018	2017
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.648.394.140	2.425.839.200
Trong đó:		
Dịch vụ gia công thuốc sâu	6.549.394.140	2.308.539.200
Dịch vụ khác	99.000.000	117.300.000
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Hóc Môn	2.080.468.400	1.602.256.700
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.648.394.140	2.425.839.200
02. Giá vốn hàng bán	2018	2017
Dịch vụ gia công thuốc sâu	5.462.596.502	1.634.617.907
Tổng cộng	5.462.596.502	1.634.617.907
03. Doanh thu hoạt động tài chính	2018	2017
Lãi tiền gửi	264.200	571.700
Tổng cộng	264.200	571.700

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH LONG PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	2018	2017
04. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	-	29.760.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	82.725.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	204.146.522
Chi phí bằng tiền khác	-	54.506.999
Tổng cộng	-	371.138.917
05. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2018	2017
Chi phí nhân viên quản lý	642.503.072	581.781.469
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.024.999	19.627.636
Thuế, phí và lệ phí	9.283.204	12.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.910.862	117.341.369
Chi phí bằng tiền khác	267.931.144	108.702.963
Tổng cộng	1.182.653.281	839.953.437
06. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2018	2017
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.186.119	(404.635.361)
Chuyển lỗ năm trước	(3.186.119)	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	2018	2017
Chi phí nhân công;	1.522.995.334	1.393.943.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	491.336.487	380.794.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	503.849.555	549.753.717
Chi phí khác bằng tiền.	940.742.419	150.080.218
Tổng cộng	3.458.923.795	2.474.571.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.861.108		160.031.059	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	4.699.516.841	(7.227.030)	1.798.492.885	(7.227.030)
Tổng cộng	4.709.377.949	(7.227.030)	1.958.523.944	(7.227.030)

Công nợ tài chính	31/12/2018	01/01/2018
Phải trả người bán, phải trả khác	2.456.726.599	171.626.000
Tổng cộng	2.456.726.599	171.626.000

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không có vì Công ty không sử dụng tiền bằng ngoại tệ.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Công ty không có rủi ro về giá (rủi ro cổ phiếu)

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và công cụ tài chính khác).

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH LONG PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.861.108		9.861.108
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	4.694.516.841	5.000.000	4.699.516.841
Tổng cộng	4.704.377.949	5.000.000	4.709.377.949
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán, phải trả khác	2.456.726.599	-	2.456.726.599
Tổng cộng	2.456.726.599	-	2.456.726.599
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.247.651.350	5.000.000	2.252.651.350

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.031.059		160.031.059
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	1.798.492.885	-	1.798.492.885
Tổng cộng	1.958.523.944	-	1.958.523.944
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán, phải trả khác	171.626.000	-	171.626.000
Tổng cộng	212.159.032	-	212.159.032
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.746.364.912	-	1.746.364.912

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH LONG PHÁT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Hóc Môn

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Phát sinh trong năm với các bên liên quan:

Bán hàng trong năm

Công ty Cổ phần Hóc Môn

Phải thu tiền bán hàng trong năm

2.184.491.820

1.683.014.865

Đã thu tiền trong năm

1.292.052.720

1.464.097.215

Mua hàng trong năm

Phải trả tiền mua hàng trong năm

81.708.830

Tại ngày 31/12/2018 số dư cuối kỳ với các bên liên quan

Các bên liên quan

Nội dung nghị vụ

31/12/2018

01/01/2018

Phải thu khách
hàng

1.729.336.827

836.897.727

Công ty Cổ phần Hóc Môn

Phải thu khác

106.572.000

106.572.000

Phải trả khách
hàng

81.708.830

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám Đốc

Năm nay

Năm trước

Lương và phụ cấp Ban Giám đốc

148.028.622

233.041.120

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2018 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Trần Thanh Nguyên Lộc
Kế toán trưởng



Ngày 08 tháng 03 năm 2019

Trần Việt Hà
Giám đốc